

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

#### CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH MTV Khai thác CTTL ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về việc quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 về việc phê duyệt kế hoạch diện tích hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2026 của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông;

Xét theo đề nghị của Phòng Kế hoạch tài chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Đắc Nông như sau:

#### 1. Mục tiêu tổng quát

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu tại doanh nghiệp, hoàn thành các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao trên cơ sở kinh doanh đúng pháp luật; thực hiện tốt chế độ, chính sách, pháp luật về doanh nghiệp, lao động tiền lương, thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững, cũng như đáp ứng yêu cầu của các ngành kinh tế khác trong tỉnh. Đẩy mạnh khai thác đa mục tiêu hệ thống các công trình thủy lợi; Đảm bảo sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực, đảm bảo an toàn công trình.

- Quản lý vận hành công trình cấp nước sinh hoạt hiệu quả, phát triển bền vững thực hiện cung cấp nước sạch, liên tục, ổn định và đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn, đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân.

#### 2. Chỉ tiêu sản xuất chủ yếu 2026

##### 2.1 Chỉ tiêu sản lượng sản xuất

- Khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 47.541,0302 ha (khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được hỗ trợ từ NSNN: 47.488,856ha;

khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích phải thu tiền từ đối tượng sử dụng dịch vụ 52,1742ha).

- Khối lượng cấp nước sạch sinh hoạt: 1.022.850 m<sup>3</sup>.

## 2.2 Chi tiêu doanh thu kế hoạch

Tổng doanh thu kế hoạch: 63.529 triệu đồng, trong đó:

- Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (tạm tính theo phương án giá được Công ty xây dựng, trình thẩm định): 54.208 triệu đồng;

- Doanh thu cấp nước sạch sinh hoạt nông thôn: 9.291 triệu đồng;

- Doanh thu khác: 30 triệu đồng.

2.3. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: 2.876 triệu đồng.

2.4. Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước (bao gồm VAT đầu vào được khấu trừ): 658 triệu đồng;

## 3. Kế hoạch đầu tư phát triển

Thực hiện mua sắm 01 xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu với tổng giá trị không quá 1,6 tỷ đồng.

(Có kế hoạch chi tiết đính kèm)

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ban Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng, trưởng phòng, ban, chi nhánh và người lao động trong Công ty căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động tổ chức triển khai các nhiệm vụ cụ thể phù hợp đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra theo quy định pháp luật hiện hành.

## Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ban Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng, trưởng phòng, ban, chi nhánh và người lao động chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, KSV Công ty;
- Lưu: VT..

**CHỦ TỊCH CÔNG TY**



**Nguyễn Thừa Anh**

# KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 22 /KTĐ ngày 16/04/2026 của Công ty TNHH MTV Khai thác



## I. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

### 1. Ước thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch theo Quyết định số 103/QĐ-STC ngày 16/4/2025	Thực hiện năm 2025	So sánh ước thực hiện/kế hoạch
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu sản lượng chính</b>				
-	Khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	ha	46.815,027	47.507,2842	101,48%
-	Khối lượng nước sinh hoạt nông thôn	m <sup>3</sup>	1.296.608	949.096	73,20%
-	Khối lượng cấp nước sinh hoạt và công nghiệp (cấp nước thô)	m <sup>3</sup>	2.687.000	0	0%
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu sản phẩm dịch vụ công ích</b>				
<b>3</b>	<b>Tổng doanh thu và thu nhập khác</b>	Tr. đồng	<b>61.741,469</b>	<b>57.858,915</b>	
-	Doanh thu từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	Tr. đồng	44.727,693	48.376,035	108,16%
-	Doanh thu dịch vụ khác (nước thô)	Tr. đồng	2.660,130	0	0%
-	Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt nông thôn	Tr. đồng	14.323,646	9.394,470	65,59%
-	Thu khác (lãi tiền gửi, thu nhập khác)	Tr. đồng	30	88,410	294,70%
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>2.127,694</b>	<b>3.716,948</b>	
-	Lãi từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	Tr. đồng	2.127,693	3.219,169	151,30%
-	Lãi từ dịch vụ thủy lợi khác (nước thô)	Tr. đồng	126,438	0	0%
-	Lãi từ hoạt động quản lý công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn	Tr. đồng	849,111	570,400	67,18%
-	Lãi khác	Tr. đồng	30	-72,621	-242,07%
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Tr. đồng	<b>2.127,694</b>	<b>3.716,948</b>	
-	Lãi từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	Tr. đồng	2.127,693	3.219,169	103,78%



-	Lãi từ dịch vụ thủy lợi khác (nước thô)	Tr. đồng	126,438	0	0%
-	Lãi từ hoạt động quản lý công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn	Tr. đồng	849,111	570,400	67,18%
-	Lãi khác	Tr. đồng	30	-72,621	-242,07%
<b>6</b>	<b>Thuế và các khoản nộp nhà nước</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>1.043</b>	<b>878</b>	<b>84,18%</b>
<b>7</b>	<b>Chỉ tiêu khác</b>				
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ. đồng	2.895	2.838	98,03%
	Lao động	Người	208	182	87,50%

Đánh giá:

Đối với hoạt động quản lý khai thác công trình thủy lợi để thực hiện cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, Công ty đã hoàn thành vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đã đề ra, cụ thể: khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đạt 101,48% so với kế hoạch, kéo theo các chỉ tiêu doanh thu đạt 108,16%, lợi nhuận đạt 103,78% so với kế hoạch được phê duyệt.

Bên cạnh đó các chỉ tiêu khối lượng cấp nước sinh hoạt của Công ty chỉ đạt 73,2% và khối lượng dịch vụ thủy lợi khác đạt 0% so với kế hoạch, kéo theo ước thực hiện về doanh thu và lợi nhuận năm 2025, Công ty không hoàn thành so với kế hoạch đã đề ra. Nguyên nhân:

- Ngày 31/12/2024, UBND tỉnh Đắk Nông ban hành giá nước sạch sinh hoạt nông thôn do Công ty cung cấp tại quyết định 1639/QĐ-UBND, mức giá ban hành cao hơn so với mức giá tạm thu trước đây, một phần tác động làm tăng doanh thu của Công ty, mặt khác do giá nước sinh hoạt tăng cao nhưng tỉnh chưa có chính sách hỗ trợ giá, trong khi đó phần lớn các công trình cấp nước do Công ty quản lý thực hiện cấp nước đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn nên khách hàng sử dụng nước tiết kiệm hoặc sử dụng nước giếng đào, nước suối, ao để phù hợp với điều kiện kinh tế khó khăn của gia đình làm giảm sản lượng nước bán ra của đơn vị; Bên cạnh đó ngày 26/6/2025, UBND tỉnh ban hành quyết định số 915/QĐ-UBND điều chỉnh giảm giá nước sinh hoạt để phần nào giảm bớt khó khăn cho người dân kéo theo doanh thu cấp nước sinh hoạt của Công ty bị giảm do kế hoạch doanh thu năm 2025 Công ty đã xây dựng trên cơ sở giá nước tại quyết định 1639/QĐ-UBND.

- Đa số là công trình cấp nước do Công ty quản lý khai thác nước ngầm, mùa khô 2025 nhiều công trình giếng khoan giảm và cạn kiệt mực nước dẫn đến cấp nước không đủ cho nhu cầu sử dụng, chỉ vận hành một số giờ nhất định trong ngày vì giếng thiếu nước, công trình cạn nước ngừng hoạt động

- Theo kế hoạch được phê duyệt, dự kiến trong năm 2025 sẽ bàn giao 08 công trình thực hiện cấp 213.438 m<sup>3</sup> nước phục vụ sinh hoạt về Công ty quản lý

khai thác. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại chỉ có 01/8 công trình được bàn giao và thực hiện cấp khối lượng nước 714 m<sup>3</sup>, còn lại 07 công trình chưa được bàn giao, chưa hoàn thành công tác nâng cấp mở rộng đưa vào sử dụng.

- Đối với hoạt động cấp nước thô phục vụ sản xuất nước sạch cho các nhà máy: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản 466/UBND-KT ngày 22/01/2025 về việc thu tiền cấp nước thô tại các công trình thủy lợi, trên cơ sở kế hoạch đăng ký sử dụng khai thác nước thô năm 2025 của các đơn vị sử dụng nước, Công ty đã xây dựng kế hoạch doanh thu cho hoạt động cung cấp nước thô tại kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025. Thời gian qua Công ty đã có nhiều văn bản, cũng như giấy mời làm việc trực tiếp với các đơn vị sử dụng nước để thực hiện ký kết hợp đồng, lắp đặt đồng hồ và thu tiền sử dụng nước, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại các đơn vị sử dụng nước vẫn không phối hợp trong việc ký kết hợp đồng, lắp đặt đồng hồ và nộp trả tiền sử dụng nước với nguyên nhân được đưa ra là giá bán nước sạch sinh hoạt hiện tại được UBND tỉnh phê duyệt chưa bao gồm chi phí nước thô nên khi nào giá bán nước sạch sinh hoạt được UBND tỉnh phê duyệt có chi phí nước thô thì mới ký hợp đồng và đóng tiền sử dụng nước. Do đó đến thời điểm hiện tại Công ty không thể thực hiện ký hợp đồng và thu tiền sử dụng nước thô theo quy định.

## **2. Thuận lợi và khó khăn**

### *a. Thuận lợi*

Trong quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh, triển khai các nhiệm vụ chuyên môn Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, Ban, Ngành của tỉnh, các cấp Ủy đảng, các tổ chức đoàn thể cấp trên và sự phối kết hợp chặt chẽ của chính quyền địa phương đối với các Chi nhánh trực thuộc đóng chân trên địa bàn các huyện, thành phố của tỉnh.

Tổ chức bộ máy của Công ty cơ bản được hoàn thiện, đội ngũ cán bộ, công nhân viên, lao động được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

Chính quyền địa phương có sự quan tâm, chủ động sớm xây dựng lịch thời vụ, phối hợp chặt chẽ với Công ty triển khai các phương án, giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước vụ Đông Xuân 2024-2025; phối hợp trong công tác phòng, chống lũ lụt và đảm bảo an toàn công trình nên đã đạt được những kết quả nhất định.

### *b. Khó khăn*

\* Về công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi:

- Tình trạng người dân tại một số địa phương không thực hiện sản xuất theo đúng khung thời vụ, kế hoạch diện tích đã đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, giá cả cà phê tăng cao dẫn đến diện tích cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi của Công ty biến động so với kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt;

- Nguồn kinh phí đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi không đủ để thực hiện lập quy trình vận hành hồ chứa, lập phương án phòng chống thiên tai; lập phương án ứng phó khẩn cấp; lập phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu công trình; lập quy trình bảo trì công trình; xây dựng bản đồ ngập lụt; cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình... do các công trình đập, hồ chứa khi bàn giao về Công ty quản lý đa số không đầy đủ hồ sơ hoặc không có hồ sơ nên thực hiện chưa đảm bảo một số nội dung liên quan quản lý an toàn đập (chủ yếu quan sát, vận hành bằng thủ công), khó khăn trong việc ngăn chặn xử lý vi phạm các hoạt động lấn chiếm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

- Việc không có quyết định giao quản lý diện tích đất của công trình gây khó khăn cho việc Công ty thực hiện khai thác tổng hợp từ công trình, đồng thời không có cơ sở pháp lý xác định ranh giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi để thực hiện cắm mốc và xử lý dứt điểm các trường hợp lấn chiếm vi phạm phạm vi bảo vệ công trình. Chính quyền địa phương nơi có công trình xây dựng chưa quyết liệt trong việc giải quyết, xử lý các trường hợp vi phạm lấn chiếm theo thẩm quyền. Từ đó gây ra nhiều khó khăn cho Công ty trong quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi.

\* Về công trình cấp nước tập trung nông thôn:

- Phần lớn các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bàn giao về Công ty bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng, chưa được đầu tư đồng bộ các hạng mục công trình, chưa có hệ thống lọc xử lý nguồn nước, mực nước giếng khoan một số công trình đang giảm dần, nguy cơ cao không đủ nguồn nước cấp nước sinh hoạt cho người dân, đặc biệt khi xảy ra hạn hán thiếu nước vào mùa khô, nhưng đến nay Công ty chưa được hỗ trợ, bố trí kinh phí để cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình.

- Hầu hết các công trình phục vụ sinh hoạt cho người dân nông thôn, vùng có điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhận thức trong việc sử dụng nước sạch còn nhiều hạn chế,...do vậy Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc thu tiền sử dụng nước. Để giảm thiểu khó khăn cho người dân trong việc chi trả tiền sử dụng nước cũng như giúp người dân có thêm cơ hội được tiếp cận nước sạch bảo vệ sức khỏe, cần thiết phải có chính sách hỗ trợ giá nước cho người dân. Đến thời điểm hiện tại, vẫn chưa có chính sách hỗ trợ giá nước cho người dân.

## **II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026**

### **1. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể**

- Tổ chức quản lý, khai thác vận hành có hiệu quả các công trình thủy lợi, công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn được UBND tỉnh giao quản lý khai thác, thực hiện cung cấp nước tưới tiêu cho 47.541,0302 ha cây trồng các loại và 1,02 triệu m<sup>3</sup> nước sạch sinh hoạt;

- *Đối với hoạt động quản lý khai thác công trình thủy lợi:* Tiếp tục tổ chức thực hiện nhiệm vụ thường xuyên (phát dọn, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ, nạo vét; khơi thông dòng chảy, điều tiết nguồn nước, kiểm tra hiện trạng công trình đảm bảo mỹ quan, an toàn, hiệu quả; Lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp công trình trọng điểm, công trình có nguy cơ mất an toàn, triển khai các công tác liên quan nhằm đảm bảo an toàn công trình trong mùa mưa bão; tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện rà soát, phân loại xử lý dứt điểm đối với từng trường hợp hoạt động vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; tổ chức phổ biến kiến thức về công tác quản lý khai thác vận hành công trình thủy lợi đến từng người lao động trong Công ty; Theo dõi đánh giá diễn biến tình hình thời tiết, hiện trạng công trình thủy lợi để chủ động ứng phó với tình trạng hạn hán thiếu nước trong mùa khô; tổ chức kiểm tra rà soát diện tích phục vụ, triển khai công tác đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích thủy lợi 2026, cũng như hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán kinh phí được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi từ NSNN theo quy định pháp luật,...

- *Đối với hoạt động quản lý khai thác công trình cấp nước:* Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc và hỗ trợ khách hàng dùng nước; xây dựng kế hoạch, triển khai công tác tuyên truyền, truyền thông nâng cao hiểu biết cho người lao động trong công ty và người dân về lợi ích sử dụng nước sạch trong sinh hoạt mang lại; triển khai đồng bộ các giải pháp để giảm thiểu hao hụt nguồn nước đưa mức hao hụt về dưới 25%; kiểm tra rà soát đánh giá tổng hợp danh mục công trình cần thực hiện sửa chữa nâng cấp để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân; đảm bảo chất lượng nước và khái toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ kinh phí, cho chủ trương thực hiện.

## **2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026**

### *a. Chỉ tiêu sản lượng*

- Khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: **47.541,0302** ha (Trong đó: Lúa 7.634,5770 ha; Mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày 2.597,6220 ha; Cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và dược liệu 37.116,9970 ha; Nuôi trồng thủy sản 191,8342 ha)

- Khối lượng cấp nước sạch nông thôn: 1.022.850 m<sup>3</sup>.

### *b. Chỉ tiêu tài chính 2026*

+ Doanh thu sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: xây dựng trên cơ sở phương án giá được Công ty xây dựng, trình thẩm định, sau khi giá dịch vụ công ích thủy lợi được cấp có thẩm quyền ban hành, Công ty thực hiện điều chỉnh theo quy định.

+ Doanh thu Dịch vụ cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn: xây dựng trên cơ sở giá nước sạch sinh hoạt nông thôn đối với các công trình cấp nước sạch sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Đắc Nông quản lý, khai thác được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 26/06/2025.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Tr. đồng	<b>63.529,264</b>
	<i>Doanh thu từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi</i>	Tr. đồng	54.207,889
	<i>Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt nông thôn</i>	Tr. đồng	9.291,375
	<i>Thu khác (lãi tiền gửi)</i>	Tr. đồng	30
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>		<b>60.652,838</b>
	<i>Chi hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi</i>	Tr. đồng	51.518,718
	<i>Chi hoạt động quản lý công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn</i>	Tr. đồng	9.134,120
	<i>Chi khác</i>		
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>2.876,426</b>
	<i>Lãi từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi</i>	Tr. đồng	2.689,172
	<i>Lãi từ hoạt động quản lý công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn</i>	Tr. đồng	157,254
	<i>Lãi khác</i>	Tr. đồng	30
<b>5</b>	<b>Kế hoạch nộp NSNN</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>657,997</b>
<b>6</b>	<b>Tổng vốn đầu tư</b>	Tr. đồng	
<b>7</b>	<b>Chỉ tiêu khác</b>		
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ. đồng	2.840
	Lao động	Người	191

(Có phụ lục chi tiết đính kèm)

### 3. Kế hoạch đầu tư phát triển

- Thực hiện mua sắm 01 xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu với tổng giá trị không quá 1,6 tỷ đồng.

- Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư sửa chữa nâng cấp công trình thủy lợi, công trình cấp nước sau khi được UBND tỉnh bố trí vốn từ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2026 – 2030.

### 4. Giải pháp

#### 4.1. Giải pháp về tài chính

- Rà soát tiêu chuẩn định mức để sửa đổi bổ sung các quy chế quản lý nội bộ Công ty đảm bảo việc chi và thanh quyết toán nguồn kinh phí đúng theo quy định pháp luật hiện hành.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo; công khai, minh bạch hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác tài chính của Công ty; Thực hiện tốt quy chế dân chủ gắn với kỷ cương, kỷ luật lao động;

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ về việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, quản lý sử dụng các nguồn kinh phí khoán của các chi nhánh, đơn vị trực thuộc; Xử lý nghiêm cá nhân, tập thể đơn vị có hành vi gây tổn hại đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp không đúng theo quy định pháp luật.

## **4.2. Giải pháp về sản xuất**

### *a. Giải pháp về sản xuất cung ứng sản phẩm dịch vụ thủy lợi*

- Phối hợp với chính quyền địa phương căn cứ vào lịch thời vụ triển khai xây dựng kế hoạch tưới, tiêu, cấp nước cụ thể cho từng công trình, từng khu tưới, đảm bảo tiết kiệm đồng thời đáp ứng được nhu cầu sản xuất của người dân. Bên cạnh đó chủ động xây dựng các phương án phòng chống hạn hán, lụt bão ngay từ đầu mùa vụ đảm bảo có thể xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra.

- Chỉ đạo chi nhánh các huyện, thành phố thường xuyên kiểm tra công trình, kiểm tra nguồn nước, triển khai công tác phát dọn cây cỏ, bụi rậm, trục vớt vật cản, xử lý rác thải, duy tu, bảo dưỡng thiết bị vận hành công trình nhằm tạo thuận lợi trong công tác vận hành, điều tiết nước tưới phục vụ sản xuất của người dân.

- Ưu tiên kinh phí để thực hiện sửa chữa, cải tạo, thay thế thiết bị vận hành công trình đảm bảo nước tưới cho sản xuất nông nghiệp của người dân trên địa bàn tỉnh.

- Phối, kết hợp với chính quyền địa phương các cấp tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc tham gia bảo vệ, quản lý công trình thủy lợi nhằm hạn chế xâm hại, lấn chiếm hành lang an toàn các công trình thủy lợi, tích cực tham gia quản lý bảo vệ công trình.

- Từng bước hoàn thiện hồ sơ, phương án đề nghị Sở, Ban, Ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, cấp quyền khai thác nước mặt cho Công ty làm cơ sở để đơn vị mở rộng cung ứng sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác: cho thuê mặt thoáng hồ chứa, cấp nước thô cho nhà máy sản xuất nước sinh hoạt, khu công nghiệp, năng lượng tái tạo...

### *b. Giải pháp về sản xuất nước sạch nông thôn*

- Ưu tiên nguồn kinh phí thực hiện sửa chữa, lắp đặt hệ thống xử lý nước, hệ thống mạng cấp nước để nâng cao chất lượng nguồn nước, giảm thất thoát, mở rộng khách hàng.

- Phối hợp với chính quyền địa phương rà soát danh sách hộ dân dùng nước, tuyên truyền, vận động đến người dân về ý thức trách nhiệm trong việc tham gia bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về cấp nước; tuyên truyền đến người dân sử dụng nước sạch nông thôn chuyển dần từ phục vụ sang dịch vụ để góp phần đảm bảo các chi phí cần thiết trong việc quản lý vận hành và duy tu bảo dưỡng đối với công trình.

- Kiểm tra, rà soát đánh giá thực trạng công trình nước sạch tập trung nông thôn Công ty nhận quản lý để xây dựng kế hoạch sửa chữa, khắc phục hư hỏng công trình nâng cao hiệu quả, chất lượng nguồn nước đảm bảo phục vụ tốt nhất cho người dân.

### **4.3. Giải pháp về quản lý điều hành**

- Đào tạo, nâng cao năng lực và đổi mới phương pháp quản lý, điều hành của đội ngũ lãnh đạo, quản lý Công ty (Ban giám đốc, trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc); sắp xếp, bố trí hợp lý đội ngũ trưởng, phó các phòng, ban, chi nhánh trực thuộc và người lao động hiện có dựa trên trình độ, kỹ năng, động lực, tạo sự gắn bó quyền lợi, trách nhiệm người lao động;

- Tăng cường công tác quản lý điều hành Công ty đặc biệt là công tác quản lý vận hành công trình tưới, tiêu phục vụ sản xuất đáp ứng yêu cầu sản xuất của người dân, phù hợp với chuyển dịch cơ cấu cây trồng.

- Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống điều hành công việc thông qua các trang mạng của Công ty.

- Hoàn thiện các nội quy, quy chế hoạt động quản lý, kiểm tra giám sát nội bộ của Công ty.

- Rà soát, điều chỉnh, phân rõ trách nhiệm quyền hạn của từng phòng, ban, đơn vị nhằm sử dụng có hiệu quả tối đa các nguồn lực sẵn có để đạt được hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

### **5. Tổ chức thực hiện**

- Đối với người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên Công ty căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ, quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ trong Công ty thực hiện chỉ đạo, điều hành, giám sát, các phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc thực hiện kịp thời và có hiệu quả đối với nhiệm vụ trọng tâm thuộc lĩnh vực, chuyên môn của từng đơn vị;

- Đối với các phòng, ban chuyên môn: kịp thời tham mưu Ban Giám đốc Công ty trong việc chỉ đạo, điều hành, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty theo từng lĩnh vực của phòng, ban chuyên môn; kịp thời triển khai giải pháp, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc để đề xuất các giải pháp mới phù hợp với tình hình thực tế nhằm thực hiện đạt 100% kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra;

- Đối với chi nhánh các huyện thành phố: Thực hiện vận hành điều tiết công trình thủy lợi, công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn đảm bảo an toàn, hiệu quả đảm bảo cung cấp nước phục vụ sản xuất tưới tiêu, nước sinh hoạt đạt 100% kế hoạch đã đề ra; cụ thể:

+ Đối với các công trình thủy lợi: đảm bảo diện tích Công ty được đặt hàng không xảy ra tình trạng hạn hán thiếu nước; đảm bảo mỹ quan công trình, an toàn công trình; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, phối hợp xử lý các trường hợp lấn chiếm phạm vi hành lang bảo vệ công trình, xả thải công trình;

+ Đối với công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn: Phấn đấu tăng sản lượng nước bán ra đối với các công trình không dưới 8% so với năm 2025;

hoàn thành công tác xử lý thất thoát toàn bộ các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn; thực hiện cấp nước an toàn cho người dân...;



**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 458/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao chỉ tiêu định hướng năm 2026 của các Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên nông, lâm nghiệp, thủy lợi thuộc tỉnh Lâm Đồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 68/TTr-STC ngày 30 tháng 01 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu định hướng năm 2026 của các Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên nông, lâm nghiệp, thủy lợi thuộc tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

**1. CÁC CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
<b>I</b>	<b>Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông</b>		
1	Sản lượng chủ yếu		
	Sản xuất kinh doanh	m <sup>3</sup>	1.022.850
	Hoạt động công ích	ha	47.541,03
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	63.529,26
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	2.876,43
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	2.876,43
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	658

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
<b>II</b>	<b>Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận</b>		
1	Sản lượng chủ yếu		
	- Sản phẩm công ích thủy lợi	ha	113.781,2594
	- Sản phẩm nước thô	m3	46.831.400
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	190.327
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	8.364
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	7.577
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	4.824

## 2. CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

### 2.1. CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP CHỈ HOẠT ĐỘNG CÔNG ÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
<b>I</b>	<b>Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đạ Tẻh</b>		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	14.564,59
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	9.753
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	77,10
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	64,00
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	53,70
<b>II</b>	<b>Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đạ Huoai</b>		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	6.521,94
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	3.443
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	91
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	74
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	52,80
<b>III</b>	<b>Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lộc Bắc</b>		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	25.720,40
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	13.810
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	158
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	126
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	61
<b>IV</b>	<b>Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên</b>		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	27.233,36
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	31.208
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	4.005
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	3.204
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	801
<b>V</b>	<b>Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Wil</b>		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	28.554,05
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	20.164,36
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	370
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	296
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	165
<b>VI</b>	<b>Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Đại Thành</b>		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	18.219,83
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	12.918
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	724
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	601
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	293
<b>VII</b>	<b>Công ty TNHH MTV Đắk N'Tao</b>		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	8.131,89
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	11.621
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	611
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	550
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	61
<b>VIII</b>	<b>Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Sơn</b>		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	14.386,52
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	9.720
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	27,0
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	21,6
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	102,4
<b>IX</b>	<b>Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đức Hoà</b>		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	3.883
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	4.150
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	-
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	38
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	31
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	20

## 2.2. CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
<b>I</b>	<b>Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bảo Thuận (năm 2025 ước thực hiện)</b>		
1	Sản lượng chủ yếu		
	Sản xuất kinh doanh	m3	1.500
	Dịch vụ	ha	13.812,17
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	12.942
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	1.100
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	880
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	788
<b>II</b>	<b>Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh</b>		
1	Sản lượng chủ yếu		
	Sản lượng sản xuất chủ yếu	m3	15.100
	Diện tích nằm ngoài dịch vụ môi trường rừng	ha	13.297,84
	Diện tích nằm trong dịch vụ môi trường rừng	ha	8.978
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	47.100
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	2.840
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	2.360
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	4.000
<b>III</b>	<b>Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bảo Lâm</b>		
1	Sản lượng chủ yếu		
	Gỗ xẻ các loại	m3	2.810
	Sản phẩm tinh chế (ván ghép thanh, các loại)	m3	350
	Diện tích quản lý bảo vệ rừng theo Nghị quyết 88/2025/NQ-HĐND	ha	16.190,52
	Diện tích quản lý bảo vệ rừng nguồn dịch vụ môi trường rừng	ha	19.772,32
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	35.195,37
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	3.162
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	2.530
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	2.400
<b>IV</b>	<b>Công ty TNHH MTV Nam Nung</b>		
1	Sản lượng chủ yếu		
	Bảo vệ rừng tự nhiên	ha	137,26
	Khoán cao su	ha	416,45
	Dâu tằm	ha	6,88
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	13.138,05
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	(5.821,00)
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	(5.821,00)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	52
<b>V</b>	<b>Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tam Hiệp</b>		
1	Sản lượng chủ yếu		
1.1	Sản phẩm khai thác gỗ rừng trồng	m <sup>3</sup>	2.500
1.2	Sản phẩm khác từ gỗ (nhựa thông)	Tấn	30
1.3	Diện tích đất hàng rừng tự nhiên ngoài lưu vực chi trả dịch vụ môi trường rừng	ha	19.881
1.4	Diện tích trong lưu vực chi trả dịch vụ môi trường rừng	ha	2.260,70
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	17.963
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	550
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	457
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	1.264
<b>VI</b>	<b>Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đơn Dương</b>		
1	Sản lượng chủ yếu		
	Đặt hàng trên diện tích trực tiếp quản lý ngoài vùng dịch vụ môi trường rừng	ha	8.735,41
	Đặt hàng trên diện tích giao khoán ngoài vùng dịch vụ môi trường rừng	ha	2.759,76
	Đặt hàng trên diện tích trực tiếp quản lý trong vùng dịch vụ môi trường rừng		4.900,31
	Diện tích được hưởng từ nguồn dịch vụ môi trường rừng	ha	7.094,34
	Sản phẩm khai thác gỗ rừng trồng	m <sup>3</sup>	4.300
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	23.082
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	861
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	689
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	1.686
<b>VII</b>	<b>Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận</b>		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	1.252,92
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	93.850
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	9.990
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	7.992
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	14.788
<b>VIII</b>	<b>Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sông Dinh</b>		
1	Sản lượng chủ yếu		
	Quản lý bảo vệ rừng công ích	ha	6.255
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	3.868
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	170
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	136
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	95

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
<b>IX</b>	<b>Công ty TNHH MTV Cà phê Đức Lập</b>		
1	Sản lượng chủ yếu		
	Cà phê nhân	Tấn nhân	243
	Cao su	Tấn mù	25,30
	Cà phê bột	Kg	1.600
	Ca cao tinh bột	Kg	300
	Phân vi sinh	Tấn	215
	Dịch vụ thu gom rác thải	Hộ	1.200
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	25.500
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	1.700
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	1.410
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	1.583

## **Điều 2.**

1. Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Giám đốc của các Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên nông, lâm nghiệp, thủy lợi thuộc tỉnh có trách nhiệm:

a) Quyết định ban hành kế hoạch kinh doanh năm 2026 và tổ chức thực hiện trên cơ sở chỉ tiêu định hướng năm 2026 được giao; đồng thời, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện các chỉ tiêu định hướng được giao theo quy định.

b) Thực hiện chế độ báo cáo, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan về nội dung đề xuất phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này; đồng thời, theo dõi, đôn đốc các doanh nghiệp nhà nước thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao nêu trên.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường; Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Giám đốc của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH(Hg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trọng Yên**